

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 290/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993.

Căn cước công dân số: 048093000171 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/02/2023.

Nơi cư trú: K733/1 đường N, Tổ 19 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là K733/1 đường N, Tổ 19 phường A, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Nguyễn Mai Hà L**, sinh năm 1993.

Căn cước công dân số: 048193001106 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/11/2021.

Nơi cư trú: K596/14 đường L, Tổ 11 phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là K596/14 đường L, Tổ 129 phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xây dựng gia đình với nhau năm 2023, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là phường A, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, bất hoà, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên hoà

giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay, không ai có trách nhiệm với nhau. Nay ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xác định vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00003742 ngày 15/10/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L (Giấy chứng nhận kết hôn số 173, ngày 14/12/2023, tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là phường A, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xác định vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Mai Hà L mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00003742 ngày 15/10/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường A, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết